

Bản án số: 109/2022/HS-ST
Ngày 12-12-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Cao Tản

Ông Hoàng Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:
Ông Lưu Thanh Hải và bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 101/2022/TLST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2022/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Trần Hồng N, sinh ngày 19/7/2002; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Số 7B/6, ấp T, xã T, huyện L, V; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Sinh viên trường Đại học sư phạm kỹ thuật V; Con ông: Lê Hồng S, sinh năm 1970; con bà: Trần Thị Chiêu A, sinh năm 1972; Gia đình có 02 chị em, bị can là con thứ hai; Chưa có chồng con; Tiền án; tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/9/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định.

2. Họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc Y - sinh năm 2002; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKKHKT: Số 3B/3 ấp T, xã T, huyện L, tỉnh V; Chỗ ở hiện nay: Đường P, phường 6, thành phố C, tỉnh Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Sinh viên trường Đại học Đ; Con ông: Nguyễn Văn H, sinh năm 1979; Con bà: Trịnh Thị Mỹ P, sinh năm 1981; Gia đình có 02 chị em, bị can là con thứ nhất; Chưa có chồng con; Tiền án; tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/9/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Bị cáo N và bị cáo Y có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Sau khi kết thúc điều tra vụ án “Làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả” theo quyết định khởi tố vụ án số 01/ANĐT ngày 23/4/2020 xảy ra tại xã Giao Phong, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định. Ngày 10/12/2020 Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Nam Định có Bản kết luận điều tra số 04/ANĐT đề nghị truy tố Nguyễn Văn T, Cao Văn P, Vũ Thị N và 10 đối tượng khác có liên quan về tội “Làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả”. Còn một số đối tượng mua tiền giả của T, P, N qua mạng xã hội, Cơ quan ANĐT đã tách ra tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ.

Trên cơ sở tiếp tục điều tra xác minh, ngày 03/8/2022, Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Nam Định đã khởi tố vụ án “Tàng trữ tiền giả” và ngày 05/9/2022 khởi tố bị can Lê Trần Hồng N, sinh năm: 2002, HKTT: Số 7B/6, ấp T, xã T, huyện L, V về tội “Tàng trữ tiền giả” theo quy định tại Khoản 2 Điều 207 BLHS và Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm 2002, trú tại xã T, huyện L, tỉnh V về tội “Tàng trữ tiền giả” theo quy định tại Khoản 2 Điều 207 BLHS để tiến hành điều tra.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ thu thập được xác định: Khoảng giữa tháng 3/2020, do thiếu tiền chi tiêu cá nhân, Lê Trần Hồng N sử dụng tài khoản Facebook cá nhân (FB) “Nguyễn Văn Khánh” tham gia mạng xã hội và nhắn tin, liên hệ với tài khoản FB “Song Long Tài Chính” do Nguyễn Văn T, Vũ Thị N quản lý, sử dụng để mua tiền giả. Các đối tượng thống nhất hình thức giao dịch là tiền giả được mua bán theo tỉ lệ 1:6 (1.000.000 đồng tiền thật mua được 6.000.000 đồng tiền giả) và tiền giả được T, N giấu trong hộp bưu kiện, gửi đến địa chỉ của N thông qua dịch vụ giao hàng, thu hộ tiền (SHIP COD) của bưu điện. T tự thiết kế hộp bưu kiện bằng chất liệu bìa cottong chia làm 02 ngăn, ngăn lớn để mực xăm với mục đích ngụy trang tránh sự phát hiện của nhân viên bưu điện khi kiểm tra, ngăn nhỏ để cất giấu tiền giả. Quá trình giao dịch, T, N gửi video có nội dung hướng dẫn chỗ cất giấu tiền giả trong hộp bưu kiện cho N xem. N đã 02 (hai) lần đặt mua của T, N, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: N đã đặt mua của “Song Long Tài Chính” 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) tiền giả với giá 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền thật. N cung cấp thông tin, địa chỉ, số điện thoại để nhận tiền giả như sau: Văn Khánh, địa chỉ: 7B/6 T, T, L, V, số điện thoại: 0388.558.833 (số điện thoại của mẹ N). Ngày 18/03/2020, T, N đã gửi bưu kiện chứa tiền giả theo địa chỉ N cung cấp. Ngày 20/3/2020, sau khi bưu tá gọi điện thông báo thì N hẹn bưu tá Phạm Duy P, sinh năm: 1996 (là bưu tá phụ trách xã Tân Hạnh) tại nhà mình để nhận bưu kiện chứa tiền giả mà T, N gửi có mã vận đơn là EC427455046VN và thanh toán 3.047.000 đồng (gồm 3.000.000 đồng là tiền mua tiền giả, 47.000 đồng là phí vận chuyển). Mở bưu kiện ra kiểm tra, N thấy bên trong có 01 lọ dung dịch đựng chất lỏng và 20.000.000 đồng tiền giả loại mệnh giá 500.000 đồng. N thấy số tiền giả này có cùng số seri, có màu nhạt hơn và tờ tiền dày hơn, hoa văn, họa

tiết không sắc nét so với tờ tiền 500.000 đồng thật do đó N không dám mang đi tiêu mà cất giấu số tiền giả này dưới đệm giường ngủ trong phòng riêng tại nhà.

Lần thứ hai: Khoảng 15 ngày sau lần mua tiền giả thứ nhất, N rủ bạn là Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm 2002, trú tại xã T, huyện L, tỉnh V mỗi người góp 500.000 đồng tiền thật để mua tiền giả. N cung cấp thông tin địa chỉ để nhận tiền giả như sau: Văn Khánh, địa chỉ: 7B/6 T, T, L, V, số điện thoại 0983.611.881 (là số điện thoại của Y). N đưa 500.000 đồng tiền thật cho Y để góp mua tiền giả và dặn Y khi nào bưu tá gọi điện vào số điện thoại của Y thì Y nhận bưu kiện, thanh toán tiền cho bưu tá. Ngày 10/4/2020, T, N gửi bưu kiện chứa tiền giả theo địa chỉ N cung cấp. Ngày 15/4/2020, bưu tá gọi điện cho Y thì Y hẹn bưu tá Phạm Duy P ở gần sân bóng đá xã T, huyện L, tỉnh V để nhận bưu kiện chứa tiền giả mà T, N gửi có mã vận đơn EG424102977VN và thanh toán 1.046.000 đồng (gồm 1.000.000 đồng là tiền mua tiền giả, 46.000 đồng là phí vận chuyển). Mở bưu kiện Y thấy bên trong có chứa 6.000.000 đồng tiền giả gồm 12 tờ tiền giả loại mệnh giá 500.000 đồng. Y thấy số tiền giả này có cùng số seri, có màu nhạt hơn và tờ tiền dày hơn, hoa văn, họa tiết không sắc nét so với tờ tiền 500.000 đồng thật. Lo sợ nếu mang đi sử dụng sẽ dễ bị phát hiện nên ngày hôm sau Y đã đưa cho N toàn bộ 6.000.000 đồng tiền giả. N nhận 6.000.000 đồng tiền giả từ Y, tiếp tục cất giấu tiền giả này dưới đệm giường ngủ trong phòng riêng tại nhà mình. Chị gái của N là Lê Hồng T1 tình cờ đọc được tin nhắn trao đổi mua bán tiền giả giữa N và “Song Long Tài Chính” nên đã hỏi N. N bảo T1 có mua nhưng đã đốt hết.

Quá trình điều tra, Lê Trần Hồng N và Nguyễn Thị Ngọc Y thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên. Về toàn bộ số tiền giả đã mua lần thứ nhất, khoảng một tuần sau N mang 20.000.000 đồng tiền giả đã mua ra sau nhà đốt; lần thứ 2 sau khi Y đưa 6.000.000 đồng cho N, N cũng mang ra sau nhà đốt, nên hiện tại không thu hồi được.

Cáo trạng số 100/CT-VKS-P1 ngày 31/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định truy tố Lê Trần Hồng N, Nguyễn Thị Ngọc Y về tội “Tàng trữ tiền giả” theo quy định tại khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo Lê Trần Hồng N và bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Y đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được trở về gia đình và xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng và quyết định đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 207; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 01 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 101 Bộ luật Hình sự; Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Trần Hồng N từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ tiền giả”; Áp dụng khoản 2 Điều 207, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự, Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Y từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù về tội “Tàng trữ tiền giả”

nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa; Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo N và bị cáo Y tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ kết luận: Tháng 3/2020, Lê Trần Hồng N có hành vi 02 lần mua của Nguyễn Văn T, Vũ Thị N, trong đó lần thứ nhất N mua 20.000.000 đồng tiền giả với giá 3.000.000 đồng tiền thật; lần thứ 2 N rủ Nguyễn Thị Ngọc Y mỗi người góp 500.000 đồng tiền thật mua chung 6.000.000 đồng tiền giả, mục đích cất giấu để tiêu sài cá nhân. Do thấy chất lượng tiền giả xấu, lo sợ bị phát hiện nên N đã đốt và vứt bỏ toàn bộ số tiền giả mua được, N và Y chưa mang tờ tiền giả nào đi tiêu thụ. Hành vi phạm tội của Lê Trần Hồng N và Nguyễn Thị Ngọc Y đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ tiền giả”, tội phạm và hình phạt qui định tại khoản 2 Điều 207 BLHS.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Trần Hồng N phạm tội hai lần trở lên, mỗi lần phạm tội đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo qui định tại điểm g khoản 01 Điều 52 BLHS.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra vụ án bị cáo Lê Trần Hồng N và Nguyễn Thị Ngọc Y thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Thành khẩn khai báo” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm sự độc quyền quản lý tài chính của Nhà nước thông qua việc phát hành tiền tệ.

Bị cáo N có một tình tiết giảm nhẹ theo qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Thời điểm bị cáo N thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo dưới 18 tuổi, bị cáo đang là sinh viên, phạm tội lần đầu, số tiền giả bị cáo mua đã đốt nên không gây nguy hại cho xã hội. HĐXX, áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi để đảm bảo lợi ích tốt nhất cho bị cáo và nhằm mục đích giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo Y là người được bị cáo N rủ rê, bị cáo Y góp số tiền 500.000 đồng để mua tiền giả. Nếu đối chiếu với thỏa thuận giao dịch mua tiền giả thì số tiền giả mà bị cáo Y mua để tàng trữ là 3.000.000 đồng. Như vậy, bị cáo Y có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tham gia với vai trò đồng phạm thứ yếu, bị cáo có nhân thân tốt và nơi cư trú rõ ràng, quá trình học tập bị cáo được Hiệu trưởng Trường đại học Đ tặng Giấy khen. HĐXX, quyết định hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa sai lầm, tiếp tục học tập trở thành người có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo tuổi đời còn trẻ, không có nghề nghiệp. HĐXX, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Những vấn đề liên quan trong vụ án: Đối với Nguyễn Văn T và Vũ Thị N là người bán tiền giả cho Lê Trần Hồng N đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xử phạt tù Chung thân và Vũ Thị N bị xử phạt 15 năm tù giam. Do vậy, không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự của đối tượng trong vụ án này.

Đối với Lê Hồng T1 mặc dù biết việc N mua tiền giả qua mạng nhưng T1 không tố giác hành vi của N với cơ quan có thẩm quyền. Hành vi của T1 có dấu hiệu của tội “Không tố giác tội phạm”. Tuy nhiên T1 là chị gái ruột của N do đó căn cứ Khoản 2 Điều 19 Bộ luật hình sự năm 2015, CQĐT thấy hành vi của T1 không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên không xem xét xử lý.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Trần Hồng N và bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Y phạm tội “Tàng trữ tiền giả”.

2. Áp dụng khoản 2 Điều 207, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 01 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 101 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Trần Hồng N 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/9/2022.

3. Áp dụng khoản 2 Điều 207, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự, Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Y 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trả tự do cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Y ngay tại phiên tòa. Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Y đã bị tạm giam từ ngày 12/9/2022 đến ngày 12/12/2022.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Y cho UBND xã T, huyện L, tỉnh V giám sát và giáo dục. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án

có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bị cáo Lê Trần Hồng N và bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Y mỗi người phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Các bị cáo Lê Trần Hồng N, Nguyễn Thị Ngọc Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Mai Anh Tuấn
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- VKND tỉnh Nam Định;
- Công an tỉnh Nam Định;
- Sở tư pháp Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- UBND xã Tân Hạnh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.